TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 273**/2023/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023

V/v tranh chấp: "*Quyền sử dụng đất (Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất)*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án

- Đại diệnViện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất đất (Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất)*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1956 (Có mặt)

1.2. Bà Trần Quốc Ngọc T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi ở hiện nay: Số B, KDC H, Quận C, thành phố Cần Thơ

Địa chỉ liên hệ: Số E đường N, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Quốc Ngọc T: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1956. Nơi ở hiện nay: Số B, KDC H, Quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Số E đường N, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C5, chứng nhận có số công chứng 4931, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/4/2017. (Có mặt)

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thanh N: Ông Trần Văn N1 - Văn phòng Luật sư Trần Văn N1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. Địa chỉ văn phòng: số E đường N, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1.Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1958

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1968

2.3. Bà Bùi Thị Ú, sinh năm 1957

2.4. Bà Đặng Thị Ngọc P, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.5. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1973

Địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.6. Bà Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1982;

2.7. Bà Diệp Thị Minh H1, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.8. Ông Nguyễn Bá P1, sinh năm 1988

2.9. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2

Cùng địa chỉ: số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.10. Bà Lê Thị Kim N2, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.11. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.12. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1952

2.13. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1963

2.14. Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1956

2.15. Ông Trần Phương H2, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: số 604/31, khóm Bình Khánh 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988

3.2. Anh Nguyễn Thành T4, sinh năm 1990

Địa chỉ số 604/31, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.3. Chị Bùi Xuân T5, sinh năm 1982

3.4. Chị Bùi Thị Lan A, sinh năm 1992

3.5. Chị Bùi Thị Lan P3, sinh 1996

3.6. Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1989

3.7. Cháu Trần Xuân N4, sinh ngày 25/01/2019 do cha mẹ ruột anh Trần Văn Đ1, chị Bùi Thị Lan P3 là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.8. Ông Lê Hùng H3, sinh năm 1970

3.9. Bà Lê Thị Kim N2, sinh năm 1980

3.10. Em Lê Hùng T6, sinh năm 2000

3.11. Em Lê Hùng A1, sinh ngày 25/5/2010 do cha mẹ ruột ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2 là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: tổ C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.12. Anh Phan Văn N5, sinh năm 1989

3.13. Anh Phan Văn M1, sinh năm 1991

3.14. Chị Phạm Thị T7, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.15. Anh Nguyễn Chí H4, sinh năm 1981

3.16. Chị Tạ Kim T8, sinh năm 1988

3.17. Cháu Nguyễn Đại Gia K, sinh ngày 10/3/2019 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8 là người đại diện theo pháp luật.

3.18. Bà Nguyễn Thị Diễm T9, sinh năm 1979

3.19. Ông Huỳnh Hữu P4, sinh năm 1976

3.20. Em Huỳnh Thị Hồng H5, sinh ngày 07/9/2004; Em Huỳnh Thị Hồng H6, sinh ngày 17/9/2008 do cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4 là người đại diện theo pháp luật.

3.21. Anh Nguyễn Văn T10, sinh năm 1984

3.22. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N6, sinh ngày 10/01/2001

3.23. Em Nguyễn Lâm Chấn K1, sinh ngày 13/02/2018, cháu Nguyễn Tạ Gia K2 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6 là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.24. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1973

3.25. Anh Nguyễn Tứ Q, sinh năm 1995

3.26. Chị Cao Thị H7, sinh năm 1997

3.27. Anh Nguyễn Chí T11, sinh năm 1990

3.28. Chị Đinh Thị V, sinh năm 1991

3.29. Em Trần Thành N7, sinh ngày 01/3/2011; Em Nguyễn Thành N8, sinh ngày 05/9/2018 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.30. Bà Võ Phi Y, sinh năm 1959

3.31. Bà Võ Thị Ngọc T12; địa chỉ: số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

3.32. Chị Nguyễn Thị Thúy K3, sinh năm 1986

3.33. Anh Châu Tuấn H8, sinh năm 1984

3.34. Em Châu Kiều L, sinh ngày 02/6/2007 do cha mẹ ruột chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8 là người đại diện theo pháp luật.

3.35. Bà Võ Phi Y, sinh năm 1959

3.36. Em Trần Phương Q1, sinh ngày 26/7/2001

Địa chỉ số 604/31, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.37. Ông Phạm Minh C1, sinh năm 1968

3.38. Ông Phạm Minh Đ2, sinh năm 1976

Địa chỉ số 604/31, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.39. Ông Nguyễn Văn T13

3.40. Ông Nguyễn Kim T14, sinh năm 1977

3.41. Bà Đặng Thị Ngọc P, sinh năm 1974

3.42. Cháu Nguyễn Kim Huỳnh A2, sinh ngày 25/5/2015 do cha mẹ ruột ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.43. Bà Lê Ngọc Đ3, sinh năm 1983

3.44. Ông Bùi Minh P5, sinh năm 1982

3.45. Chị Lê Ngọc T15, sinh năm 1994

3.45. Em Bùi Ngọc Quỳnh N9, sinh năm 2009; em Bùi Phúc H9 sinh năm 2012, em Bùi Lê Anh K4 sinh năm 2017 do cha mẹ ruột Lê Ngọc Đ3, Ông Bùi Minh P5 là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

4.46. Ông Nguyễn Văn P6 và bà Dương Cẩm T16 (Vương Cẩm T17)

Địa chỉ: D đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.(Bách hóa C)

4.47. Bà Mai Thị C2, sinh năm 1931

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên quan: số E, đường N, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà Chính ủy q cho bà N theo Tờ ủy quyền được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng chứng thực có số chứng thực 484, quyển số 01-SCT/CK,ĐC, ngày 25/4/2017.

4.48. Ông Trần Văn C3 chết ngày 09/01/2018

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C3:

4.48.1. Bà Mai Thị C2, sinh năm 1931

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4.48.2. Bà Trần Thị Thanh N10, sinh năm 1954

Địa chỉ: C đường N, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

4.48.3. Ông Trần Quốc H10, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số C đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4.48.4. Bà Trần Thị Thanh N11, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4.48.5. Bà Trần Thị Thanh T18, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

4.48.6. Ông Trần Quốc K5, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

4.48.7. Ông Trần Quốc K6, sinh năm 1967 (chết ngày 02/9/2019)

+ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quốc K6:

4.48.7.1. Bà Đỗ Khánh L1, sinh năm 1976

4.48.7.2. Anh Trần Quang D, sinh năm 1998

4.48.7.3. Em Trần Khánh D1, sinh năm 2005 do mẹ ruột bà Đỗ Khánh L1 là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: Số B, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

4.49. Bà Trần Anh D2, sinh năm 1969

Địa chỉ: A đường T, phường C, huyện V, tỉnh Hậu Giang

4.50. Bà Trần Thị Thanh T19, sinh năm 1971

Địa chỉ: Hẻm D, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4.51. Ủy ban nhân dân thành phố L

Trụ sở: Số I đường N (nối dài), khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh N và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Quốc Ngọc T thể hiện nội dung:*

Ngày 30 tháng 12 năm 2004, ông Trần Quốc S1 và bà Nguyễn Thị Thanh N được Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00023Ak, với tổng diện tích sử dụng 200m^2 loại đất T, thửa đất số 268 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024Ak, với tổng diện tích sử dụng 29,7m^2; loại đất LNK, thửa đất số 269; tờ bản đồ số 40, vị trí khu đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L. Đến ngày 28/3/2008, ông S1 và bà N xin phép cất nhà và được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy phép xây dựng số 247/GPXD.

Ngày 31/3/2008, ông S1 và bà N khởi công xây dựng, đào móng và đóng cừ thì một số hộ dân sống xung quanh ngăn cản tranh chấp buộc gia đình ông S1, bà N phải cắt chừa lối đi ngang 01 m x dài 45m trên phần đất thuộc 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, dẫn đến ông S1, bà N phải ngừng thi công, chờ chính quyền giải quyết.

Ngày 07/4/2015, ông Trần Quốc S1 chết nhưng việc tranh chấp giữa các bên vẫn chưa được giải quyết xong. Vào ngày 04/4/2017, bà Nguyễn Thị Thanh N đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các hộ dân đang sử dụng phần diện tích đất ông S1, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm lối đi phải trả lại diện tích đất này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Quốc Ngọc T xác định yêu cầu các hộ dân chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất để gia đình được sử dụng ổn định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà N được cấp. Bà N đồng ý chừa lối đi là 1m gia đình đồng ý để làm lối đi tạm khi các hộ này có bị di dời thì trả lại diện tích đất này cho gia đình bà. Bà N xác định đồng ý chừa lối đi tổng diện tích đất là 50.9 m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ5 chi nhánh L2 lập ngày 31/7/2023 với diện tích điểm 2-A-C-53 có diện tích 43,8 m^2, thuộc thửa đất số 268, loại đất thổ cư; Điểm 53-C-B-15 có diện tích 7,1 m^2, thuộc thửa đất số 269, loại đất LNK (Đối với phần chừa lối đi 1m vẫn là đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà nước đã cấp cho gia đình bà thì vẫn đồng ý đóng thuế đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại phiên tòa, bà N xác định lại yêu cầu các hộ dân đang đi trên phần diện tích đất gia đình bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất để gia đình được sử dụng ổn định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà N được cấp.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Minh H, bà Phạm Thị Thu T1, bà Diệp Thị Minh H1, ông Nguyễn Bá P1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Kim N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn Văn P2, ông Trần Phương H2: Vắng mặt không có ý kiến trình bày*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị C2 do bà Nguyễn Thị Thanh N là người đại diện theo ủy quyền:* Bà Mai Thị C2 là mẹ ruột của ông Trần Quốc S1, là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị Thanh N. Đối với diện tích đất tranh chấp đây là tài sản của vợ chồng ông Trần Quốc S1, bà Nguyễn Thị Thanh N vì chồng bà N chết mới đưa mẹ chồng và các anh em chồng vào tham gia thì những người này đều biết và các anh chị em chồng không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N với con bà.

+ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C3 chết ngày 09/01/2018: Bà Mai Thị C2, bà Trần Thị Thanh N10, ông Trần Quốc H10, bà Trần Thị Thanh N11, bà Trần Thị Thanh T18, ông Trần Quốc K5, bà Trần Anh D2, bà Trần Thị Thanh T19: Vắng mặt nhưng có Tờ tường trình tháng 9/2018, thể hiện nội dung: Các ông bà là vợ và con của ông Trần Văn C3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông Trần Quốc S1 (chết) cùng vợ bà Nguyễn Thị Thanh N, có tạo lập một phần đất thổ cư tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (phần đất hiện đang tranh chấp với 17 hộ dân). Các ông bà xác định phần đất giữa bà N với các hộ dân là thuộc tài sản riêng của ông S1, bà N, Ông S1 chết nhưng các ông bà hoàn toàn không tranh chấp gì với bà N phần thừa kế này. Việc tranh chấp này là thuộc quyền riêng của bà N các ông bà không có ý kiến. Đồng thời, xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử

+ Ủy ban nhân dân thành phố L có công văn số 607/UBND-NC v/v vắng mặt trong vụ án dân sự nguyên đơn là Nguyễn Thị Thanh N, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X ngày 08/02/2021

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Thành T4, chị Bùi Xuân T5, chị Bùi Thị Lan A, chị Bùi Thị Lan P3, anh Trần Văn Đ1, cháu Trần Xuân N4, sinh ngày 25/01/2019 do cha mẹ ruột anh Trần Văn Đ1, chị Bùi Thị Lan P3 là người đại diện theo pháp luật; ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2, em Lê Hùng T6, em Lê Hùng A1, sinh ngày 25/5/2010 do cha mẹ ruột ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2 là người đại diện theo pháp luật; anh Phan Văn N5, anh Phan Văn M1, chị Phạm Thị T7, anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8, cháu Nguyễn Đại Gia K, sinh ngày 10/3/2019 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8 là người đại diện theo pháp luật; bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4, em Huỳnh Thị Hồng H5, sinh ngày 07/9/2004; em Huỳnh Thị Hồng H6, sinh ngày 17/9/2008 do cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4 là người đại diện theo pháp luật; anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6, em Nguyễn Lâm Chấn K1, sinh ngày 13/02/2018, cháu Nguyễn Tạ Gia K2 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6 là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Thị Kim C, anh Nguyễn Tứ Q, chị Cao Thị H7, anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V, em Trần Thành N7, sinh ngày 01/3/2011; em Nguyễn Thành

N8, sinh ngày 05/9/2018 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V là người đại diện theo pháp luật; bà Võ Phi Y, bà Võ Thị Ngọc T12; chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8, em Châu Kiều L, sinh ngày 02/6/2007 do cha mẹ ruột chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8 là người đại diện theo pháp luật; Bà Võ Phi Y, em Trần Phương Q1, ông Phạm Minh C1, ông Phạm Minh Đ2, ông Nguyễn Văn T13, ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P, cháu Nguyễn Kim Huỳnh A2, sinh ngày 25/5/2015 do cha mẹ ruột ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P là người đại diện theo pháp luật; Bà Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5, chị Lê Ngọc T15, em Bùi Ngọc Quỳnh N9, sinh năm 2009; em Bùi Phúc H9 sinh năm 2012, em Bùi Lê Anh K4 sinh năm 2017 do cha mẹ ruột Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5 là người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Văn P6 và bà Dương Cẩm T16 (Vương Cẩm T17): *Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết nên không có ý kiến trình bày*

+ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quốc K6, sinh năm 1967 (chết ngày 02/9/2019): bà Đỗ Khánh L1, anh Trần Quang D, em Trần Khánh D1, sinh năm 2005 do mẹ ruột bà Đỗ Khánh L1 là người đại diện theo pháp luật: Vắng mặt không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh N là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Quốc Ngọc T xác định thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu các hộ dân chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất để gia đình được sử dụng ổn định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà N được cấp. Bà N xác định đồng ý chừa lối đi là 1m theo hiện trạng đất được cấp, tổng diện tích đất là 50.9 m^2 chừa lối đi theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ5 chi nhánh L2 lập ngày 31/7/2023 với diện tích điểm 2-A-C-53 có diện tích 43,8 m^2, thuộc thửa đất số 268, loại đất thổ cư; Điểm 53-C-B-15 có diện tích 7,1 m^2, thuộc thửa đất số 269, loại đất LNK;

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N là luật sư Trần Văn N1 đưa ra các quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Đề nghị, Hội đồng xét xử buộc các hộ dân đang đi tại khu đất tranh chấp chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà N và T. Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh N đồng ý chừa lối đi là 1m theo hiện trạng đất được cấp, tổng diện tích đất là 50.9 m^2 chừa lối đi theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ5 chi nhánh L2 lập ngày 31/7/2023 với diện tích điểm 2-A-C-53 có diện tích 43,8 m^2, thuộc thửa đất số 268, loại đất thổ cư; Điểm 53-C-B-15 có diện tích 7,1 m^2, thuộc thửa đất số 269, loại đất LNK.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố L, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C3 chết ngày 09/01/2018: Bà Mai Thị C2, bà Trần Thị Thanh N10, ông Trần Quốc H10, bà Trần Thị Thanh N11, bà Trần Thị Thanh T18, ông Trần Quốc K5, bà Trần Anh D2, bà Trần Thị Thanh T19 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Bùi Thị Ú, bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Minh H, bà Phạm Thị Thu T1, bà Diệp Thị Minh H1, ông Nguyễn Bá P1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Kim N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn Văn P2, ông Trần Phương Huỳnh . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Thành T4, chị Bùi Xuân T5, chị Bùi Thị Lan A, chị Bùi Thị Lan P3, anh Trần Văn Đ1, cháu Trần Xuân N4, sinh ngày 25/01/2019 do cha mẹ ruột anh Trần Văn Đ1, chị Bùi Thị Lan P3 là người đại diện theo pháp luật; ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2, em Lê Hùng T6, em Lê Hùng A1, sinh ngày 25/5/2010 do cha mẹ ruột ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2 là người đại diện theo pháp luật; anh Phan Văn N5, anh Phan Văn M1, chị Phạm Thị T7, anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8, cháu Nguyễn Đại Gia K, sinh ngày 10/3/2019 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8 là người đại diện theo pháp luật; bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4, em Huỳnh Thị Hồng H5, sinh ngày 07/9/2004; em Huỳnh Thị Hồng H6, sinh ngày 17/9/2008 do cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4 là người đại diện theo pháp luật; anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6, em Nguyễn Lâm Chấn K1, sinh ngày 13/02/2018, cháu Nguyễn Tạ Gia K2 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6 là người đại diện theo pháp luật; Bà Lê Thị Kim C, anh Nguyễn Tứ Q, chị Cao Thị H7, anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V, em Trần Thành N7, sinh ngày 01/3/2011; em Nguyễn Thành N8, sinh ngày 05/9/2018 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V là người đại diện theo pháp luật; bà Võ Phi Y, bà Võ Thị Ngọc T12; chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8, em Châu Kiều L, sinh ngày 02/6/2007 do cha mẹ ruột chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh C4 Tuấn H8 là người đại diện theo pháp luật; em Trần Phương Q1, ông Phạm Minh C1, ông Phạm Minh Đ2, ông Nguyễn Văn T13, ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P, cháu Nguyễn Kim Huỳnh A2, sinh ngày 25/5/2015 do cha mẹ ruột ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5, chị Lê Ngọc T15, em Bùi Ngọc Quỳnh N9, sinh năm 2009; em Bùi Phúc H9 sinh năm 2012, em Bùi Lê Anh K4 sinh năm 2017 do cha mẹ ruột Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5 là người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Văn P6 và bà Dương Cẩm T16 (Vương Cẩm T17); *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quốc K6, sinh năm 1967 (chết ngày 02/9/2019):* Bà Đỗ Khánh L1, anh Trần Quang D, em Trần Khánh D1, sinh năm 2005 do mẹ ruột bà Đỗ Khánh L1 là người đại diện theo pháp luật đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên lưu ý đối với thời hạn xét xử là chưa đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các hộ đang sử dụng lối đi trên diện tích đất bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chừa lối đi diện tích đất là 50.9 m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đ5 chi nhánh L2 lập ngày 31/7/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Quốc Ngọc T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh N theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C5, chứng nhận có số công chứng 4931, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/4/2017 và bà Mai Thị C2 ủy quyền cho bà N theo Tờ ủy quyền được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng chứng thực có số chứng thực 484, quyển số 01-SCT/CK,ĐC, ngày 25/4/2017 việc ủy quyền phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[1.2] Ủy ban nhân dân thành phố L có yêu cầu được vắng mặt không tham dự phiên tòa đây là yêu cầu phù hợp theo quy định nên được xem xét, chấp nhận; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Thành T4, chị Bùi Xuân T5, chị Bùi Thị Lan A, chị Bùi Thị Lan P3, anh Trần Văn Đ1, cháu Trần Xuân N4, sinh ngày 25/01/2019 do cha mẹ ruột anh Trần Văn Đ1, chị Bùi Thị Lan P3 là người đại diện theo pháp luật; ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2, em Lê Hùng T6, em Lê Hùng A1, sinh ngày 25/5/2010 do cha mẹ ruột ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2 là người đại diện theo pháp luật; anh Phan Văn N5, anh Phan Văn M1, chị Phạm Thị T7, anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8, cháu Nguyễn Đại Gia K, sinh ngày 10/3/2019 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8 là người đại diện theo pháp luật; Bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4, em Huỳnh Thị Hồng H5, sinh ngày 07/9/2004; em Huỳnh Thị Hồng H6, sinh ngày 17/9/2008 do cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4 là người đại diện theo pháp luật; Anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6, em Nguyễn Lâm Chấn K1, sinh ngày 13/02/2018, cháu Nguyễn Tạ Gia K2 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6 là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Thị Kim C, anh Nguyễn Tứ Q, chị Cao Thị H7, anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V, em Trần Thành N7, sinh ngày 01/3/2011; em Nguyễn Thành N8, sinh ngày 05/9/2018 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V là người đại diện theo pháp luật; bà Võ Phi Y, bà Võ Thị Ngọc T12; chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8, em Châu Kiều L, sinh ngày 02/6/2007 do cha mẹ ruột chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8 là người đại diện theo pháp luật; bà Võ Phi Y, em

Trần Phương Q1, ông Phạm Minh C1, ông Phạm Minh Đ2, ông Nguyễn Văn T13, ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P, cháu Nguyễn Kim Huỳnh A2, sinh ngày 25/5/2015 do cha mẹ ruột ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5, chị Lê Ngọc T15, em Bùi Ngọc Quỳnh N9, sinh năm 2009; em Bùi Phúc H9 sinh năm 2012, em Bùi Lê Anh K4 sinh năm 2017 do cha mẹ ruột Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5 là người đại diện theo pháp luật; Ông Nguyễn Văn P6 và bà Dương Cẩm T16 (Vương Cẩm T17); Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C3 chết ngày 09/01/2018: Bà Mai Thị C2, bà Trần Thị Thanh N10, ông Trần Quốc H10, bà Trần Thị Thanh N11, bà Trần Thị Thanh T18, ông Trần Quốc K5, bà Trần Anh D2, bà Trần Thị Thanh T19; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quốc K6, sinh năm 1967 (chết ngày 02/9/2019)*:* bà Đỗ Khánh L1, anh Trần Quang D, em Trần Khánh D1, sinh năm 2005 do mẹ ruột bà Đỗ Khánh L1 là người đại diện theo pháp luật đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đối với diện tích đất phần lối đi chung (bê tông) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00023Ak, với tổng diện tích sử dụng 200m^2 loại đất T, thửa đất số 268 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024Ak, với tổng diện tích sử dụng 29,7m^2; loại đất LNK, thửa đất số 269; tờ bản đồ số 40, vị trí khu đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông S1, bà N có diện tích là 66,5m^2 bị các hộ dân sinh sống tại khu vực này sử dụng làm lối đi và cản trở không cho gia đình bà N, bà T được quản lý, sử dụng nên yêu cầu các hộ dân trả lại diện tích đất cho bà N, bà T đã được cấp.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu các hộ dân chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất để gia đình được sử dụng ổn định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà N được cấp và đồng ý chừa lối đi là 1m theo hiện trạng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất là 50.9 m^2 chừa lối đi, đối với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự xem xét giải quyết.

[2.3] Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, diện tích đất các đương sự tranh chấp tọa lạc tại phường B, thành phố L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên được quy định khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông Trần Quốc S1, bà Nguyễn Thị Thanh N nhận chuyển nhượng diện tích đất và được Ủy ban nhân dân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số H00023Ak, với tổng diện tích sử dụng 200m^2 loại đất T, thửa đất số 268 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024Ak, với tổng diện tích sử dụng 29,7m^2; loại đất LNK, thửa đất số 269; tờ bản đồ số 40, vị trí khu đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

[3.2] Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/3/2008, ông S1, bà N xin phép cất nhà và được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy phép xây dựng số 247/GPXD, ngày 31/3/2008, ông S1 và bà N khởi công xây dựng, đào móng và đóng cừ thì một số hộ dân sống xung quanh ngăn cản tranh chấp buộc gia đình ông S1, bà N phải cắt chừa lối đi ngang 01 m x dài 45m trên phần đất thuộc 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, dẫn đến ông S1, bà N phải ngừng thi công, chờ chính quyền giải quyết.

[3.3] Ngày 07/4/2015, ông S1 chết nhưng việc tranh chấp vẫn chưa được giải quyết xong nên bà N và con là bà T gửi đơn khởi kiện tranh chấp buộc các hộ dân đang sử dụng phần diện tích đất ông S1, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm lối đi phải trả lại diện tích đất này.

[3.4] Đến ngày 20/7/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Quốc T xác định yêu cầu Tòa án điều chỉnh quan hệ tranh chấp đối với vụ án bà yêu cầu các hộ dân chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất để gia đình được sử dụng ổn định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà N được cấp. Bà N xác định đồng ý chừa lối đi là 1m theo hiện trạng đất được cấp, cụ thể trên bản vẽ hiện trạng khu đất tại Thông báo số 723/TB-TA ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về việc xác định lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, những hộ dân đang sinh sống tại khu đất tranh chấp từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như không có ý kiến hay yêu cầu liên quan đến nội dung tranh chấp của vụ án.

[4] Đối với diện tích đất hiện nay nguyên đơn yêu cầu chấp dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L2 lập vào ngày 31/7/2023 thì điểm 2-A-C-53 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L2 lập vào ngày 31/7/2023, có diện tích 43,8 m^2, thuộc thửa đất số 268, loại đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286911, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00023Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh N. Vị trí hình thể, chu vi và kích thước khu đất được thể hiện tại Hồ sơ kỹ thuật khu đất số 01373/AK do Phòng Quản lý phát triển đô thị thành phố L lập ngày 20/12/2004. Loại đất ở đô thị thuộc đô thị loại 1, đường L đường T (Đoạn từ cầu N - M), vị trí 1 có giá trị 13.200.000đ/m^2. Vị trí 4 có giá trị 20% so với giá trị của vị trí 1 là 2.640.000đ/m^2 ; Điểm 53-C-B-15 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L2 lập vào ngày 31/7/2023, có diện tích 7,1 m^2, thuộc thửa đất số 269, loại đất LNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286961, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00024Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh

N, loại đất LNK có giá trị trên địa bàn phường B là 158.000đ/m^2 tại biên bản định giá ngày 18/8/2023 được Hội đồng định giá công bố

[4.1] Nguyên đơn xác định đối với diện tích đất hiện nay ngoài lối đi hiện hữu thì không còn lối đi nào khác, để tạo điều kiện cho các hộ có thể thuận lợi trong việc đi lại thì bà cũng đồng ý chừa lối đi 1m chiều ngang theo diện tích đất để có thể điều chỉnh bản vẽ hiện trạng đối với diện tích đất bà N và gia đình đồng ý cấn trừ đối với phần chừa lối đi 1m vẫn là đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà nước đã cấp cho bà N vẫn đồng ý đóng thuế đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4.2] Căn cứ tại các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện tại Tờ trình số 18/TT-UBND, ngày 17/4/2008 của Ủy ban nhân dân phường B, về việc giải quyết tranh chấp lối đi thể hiện nguồn gốc đất các hộ dân thuộc đất công do nhà nước quản lý. Các hộ tự chiếm dụng đất trống (cặp mương cơ khí) để cất nhà ở và tạo con hẻm nhỏ để đi lại, trong đó có một phần đất trống của ông Đỗ Duy H11. Nguồn gốc đất của ông Đỗ Duy H11 có địa bộ cũ và đã được xác định mốc ranh cụ thể khi thực hiện Quyết định số 63/QĐ.UB ngày 19/10/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố L, đồng thời cũng được cấp quyền sử dụng đất ổn định. Sau đó, ông H11 phân chia lại cho các con trong đó có bà Đỗ Thị Kiều H12 (con gái ông H11), bà H12 không sử dụng mà chuyển nhượng lại cho bà D3, bà D3 tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Trần Quốc S1. Ông S1 được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024Ak, ngày 30/12/2004.

[4.3] Công văn số 173/CV.TN.MT, ngày 24/7/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L cũng xác định nguồn gốc đất của hộ ông Trần Phương H2, vợ Võ Thị Phi Y1; hộ ông Nguyễn Văn P2; hộ bà Nguyễn Thị Kim X; hộ ông Nguyễn Văn Đ; hộ bà Nguyễn Thị Kim M; hộ bà Bùi Thị Ú; hộ ông Nguyễn Minh Đ4 là đất công thổ mương Cơ khí do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, qua giấy tờ thể hiện các hộ đã về đây từ trước ngày 15/10/1993, quá trình sử dụng có kê khai nhà đất năm 1991, hoàn cảnh các hộ dân đa số thuộc diện hộ nghèo; riêng hộ của ông Trần Phương H2 mới sang nhượng lại và ở năm 2002.

[4.4] Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố L có Công văn số 4205/UBND-NC ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố L V/v phúc đáp công văn số 342/TA ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, thể hiện nội dung:

[4.4.1] Trình tự thủ tục chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc S1 và bà Nguyễn Thị Thanh N thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 119, Điều 148 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân được xem xét nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

[4.4.2] Ngoài ra, vị trí các thửa đất được giới hạn bởi các điểm 39, 2, 53, 15, 18 và 54 đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc S1 và bà Nguyễn Thị Thanh N (bao gồm loại đất ODT

và CLN), vị trí các căn nhà hiện hữu được thể hiện trên trang 02 của bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp lối đi do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 04/10/2013 được phân khu chức năng là đất ở hiện hữu, cải tạo chỉnh trang thuộc Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang đã được UBND tỉnh A phê duyệt tại Quyết định số 995/QĐ-UBND, ngày 06/5/2020.

[5] Nhận thấy, cơ quan chuyên môn đã xác định về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S1, bà N12 là đúng trình tự nhưng việc bà N và bà T (sau khi ông S1 chết) không sử dụng được là quyền lợi bị xâm phạm và việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các hộ đang sử dụng lối đi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà N chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là phù hợp theo quy định tại Điều 12, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013

[6] Đối với yêu cầu của bà N đồng ý chừa lối đi 1m với tổng cộng diện tích đất 50,9 m^2 tại các điểm 2-A-C-B-15-53, trong đó: diện tích 43,8 m^2 theo điểm 2-A-C-53, thuộc thửa đất số 268, loại đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286911, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00023Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh N và diện tích 7,1 m^2 điểm 53-C-B-15 thuộc thửa đất số 269, loại đất LNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286961, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh N theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L2 lập vào ngày 31/7/2023. Hội đồng xét sự tự nguyện chừa lối đi này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, công nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn tại phiên tòa.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện nộp số tiền 3.012.000 đồng (*Ba triệu không trăm mười hai nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản việc tự nguyện nộp chi phí của bà N là phù hợp và không trái với quy định pháp luật nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng bà N đã nộp theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2017, ngày 10/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và hóa đơn giá trị gia tăng số 0006892 ngày 20/8/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ5. Bà N đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm

[8.1] Bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Trần Quốc Ngọc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định.

[8.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Bùi Thị Ú, bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Minh H, bà Phạm Thị Thu T1, bà Diệp Thị Minh

H1, ông Nguyễn Bá P1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Kim N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn Văn P2, ông Trần Phương Huỳnh . Cùng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên theo quy định tại theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 232, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 12, Điều 166, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

+ Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

+ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Trần Quốc Ngọc T đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Bùi Thị Ú, bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Minh H, bà Phạm Thị Thu T1, bà Diệp Thị Minh H1, ông Nguyễn Bá P1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Kim N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn Văn P2, ông Trần Phương H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Thành T4, chị Bùi Xuân T5, chị Bùi Thị Lan A, chị Bùi Thị Lan P3, anh Trần Văn Đ1, cháu Trần Xuân N4, sinh ngày 25/01/2019 do cha mẹ ruột anh Trần Văn Đ1, chị Bùi Thị Lan P3 là người đại diện theo pháp luật; Ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2, em Lê Hùng T6, em Lê Hùng A1, sinh ngày 25/5/2010 do cha mẹ ruột ông Lê Hùng H3, bà Lê Thị Kim N2 là người đại diện theo pháp luật; Anh Phan Văn N5, anh Phan Văn M1, chị Phạm Thị T7, anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8, cháu Nguyễn Đại Gia K, sinh ngày 10/3/2019 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí H4, chị Tạ Kim T8 là người đại diện theo pháp luật; bà Nguyễn Thị Diễm T9, ông Huỳnh Hữu P4, em Huỳnh Thị Hồng H5, sinh ngày 07/9/2004; em Huỳnh Thị Hồng H6, sinh ngày 17/9/2008 do cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Diễm T9,

ông Huỳnh Hữu P4 là người đại diện theo pháp luật; Anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6, em Nguyễn Lâm Chấn K1, sinh ngày 13/02/2018, cháu Nguyễn Tạ Gia K2 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Văn T10, chị Nguyễn Thị Quỳnh N6 là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Thị Kim C, anh Nguyễn Tứ Q, chị Cao Thị H7, anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V, em Trần Thành N7, sinh ngày 01/3/2011; em Nguyễn Thành N8, sinh ngày 05/9/2018 do cha mẹ ruột anh Nguyễn Chí T11, chị Đinh Thị V là người đại diện theo pháp luật; bà Võ Phi Y1, bà Võ Thị Ngọc T12; chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh Châu Tuấn H8, em Châu Kiều L, sinh ngày 02/6/2007 do cha mẹ ruột chị Nguyễn Thị Thúy K3, anh C4 Tuấn H8 là người đại diện theo pháp luật; em Trần Phương Q1, ông Phạm Minh C1, ông Phạm Minh Đ2, ông Nguyễn Văn T13, ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P, cháu Nguyễn Kim Huỳnh A2, sinh ngày 25/5/2015 do cha mẹ ruột ông Nguyễn Kim T14, bà Đặng Thị Ngọc P là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5, chị Lê Ngọc T15, em Bùi Ngọc Quỳnh N9, sinh năm 2009; em Bùi Phúc H9 sinh năm 2012, em Bùi Lê Anh K4 sinh năm 2017 do cha mẹ ruột Lê Ngọc Đ3, ông Bùi Minh P5 là người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Văn P6 và bà Dương Cẩm T16 (Vương Cẩm T17) chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286911, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00023Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286961, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00024Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh N tại các điểm A,55,39,54,18,B,C (sau khi trừ đi lối đi diện tích 50.9 m^2 tại các điểm 2-A-C-B-15-53 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L2 lập vào ngày 31/7/2023 (Đính kèm theo bản án), vị trí khu đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2. Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Quốc Ngọc T tự nguyện chừa lối đi với diện tích 50.9 m^2 tại các điểm 2-A-C-B-15-53, trong đó: diện tích 43,8 m^2 theo điểm 2-A-C-53, thuộc thửa đất số 268, loại đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286911, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00023Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh N và diện tích 7,1 m^2 điểm 53-C-B-15 thuộc thửa đất số 269, loại đất LNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 286961, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00024Ak do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp vào ngày 30/12/2004 cho Trần Quốc S1 và Nguyễn Thị Thanh N theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L2 lập vào ngày 31/7/2023 (Đính kèm theo bản án), vị trí khu đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang để làm lối đi chung.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện nộp số tiền 3.012.000 đồng (*Ba triệu không trăm*

mười hai nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng do nguyên đơn đã nộp. Bà N đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Trần Quốc Ngọc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003697 ngày 22/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Bùi Thị Ú, bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Minh H, bà Phạm Thị Thu T1, bà Diệp Thị Minh H1, ông Nguyễn Bá P1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Kim N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn Văn P2, ông Trần Phương H2 cùng phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Thúy